

ĐỀ ÔN TẬP HÈ TOÁN 4

ĐỀ SỐ 2

I. TRẮC NGHIỆM (Chọn chữ cái đứng trước câu trả lời đúng)

Câu 1: Chữ số 3 trong số có giá trị 1 238 580 là:

- A. 300 B. 3 000 C. 30 000 D. 300 000

Câu 2: Số thích hợp điền vào chỗ chấm 47 tấn 6 yến = kg là:

- A. 476 B. 4706 C. 4760 D. 47060

Câu 3: Điền số thích hợp vào chỗ chấm $3m^2\ 46cm^2 = cm^2$

- A. 300 046 B. 30 046 C. 300 460 D. 3 000 460

Câu 4: Phân số nào sau đây bằng phân số $\frac{5}{9}$:

- A. $\frac{10}{20}$ B. $\frac{20}{36}$ C. $\frac{25}{40}$ D. $\frac{15}{32}$

Câu 5. Một ô tô chạy trong 2 giờ đầu, mỗi giờ chạy được 80 km và 3 giờ sau, mỗi giờ chạy được 75 km. Hỏi trung bình mỗi giờ ô tô chạy được bao nhiêu ki-lô-mét?

- A. 60 km B. 65 km C. 75 km D. 77 km

Câu 6. Một xe máy đi trong $\frac{1}{5}$ phút được 300 m. Hỏi trong một giây người đó đi được bao nhiêu mét?

- A. 25 m B. 50 m C. 60 m D. 12 m

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Tính:

a) $\frac{4}{5} : \frac{2}{3} - \frac{2}{5}$

b) $\frac{3}{10} + \frac{1}{4} : \frac{3}{8}$

c) $\frac{2}{3} - \frac{5}{18} \times \frac{9}{4}$

Câu 2. Để lát nền một phòng học hình chữ nhật có chiều dài 12 m, chiều rộng 8 m người ta dùng loại gạch men hình vuông có cạnh 40 cm. Giá mỗi viên gạch là 25 000 đồng. Hỏi để lát kín phòng học đó người ta cần bao nhiêu tiền để mua gạch, biết phần mạch vữa không đáng kể?

Câu 3. Đàn gà nhà bà ngoại có 165 con gà. Lần thứ nhất bán đi $\frac{3}{5}$ số con gà. Lần thứ hai bán $\frac{2}{3}$ số con gà còn lại. Vậy sau hai lần bán số con gà còn lại là bao nhiêu?

Câu 4. Tìm một số tự nhiên có ba chữ số biết rằng khi viết thêm chữ số 2 vào bên phải số đó thì được một số lớn hơn số ban đầu 4106 đơn vị.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

I. TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Chữ số 3 trong số có giá trị 1 238 580 là:

- A. 300 B. 3 000 C. 30 000 D. 300 000

Phương pháp

Xác định hàng của chữ số 3 trong số đã cho rồi xác định giá trị của chữ số đó.

Cách giải

Chữ số 3 trong số 1 238 580 thuộc hàng chục nghìn nên có giá trị là 30 000.

Đáp án: C

Câu 2: Số thích hợp điền vào chỗ chấm 47 tấn 6 yến = kg là:

- A. 476 B. 4706 C. 4760 D. 47060

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: 1 tấn = 1 000 kg ; 1 yến = 10 kg

Cách giải

$$47 \text{ tấn } 6 \text{ yến} = 47\,000 \text{ kg} + 60 \text{ kg} = 47\,060 \text{ kg}$$

Đáp án: D

Câu 3: Điền số thích hợp vào vào chỗ chấm $3\text{m}^2\,46\text{cm}^2 = \dots\dots\dots \text{cm}^2$

- A. 300 046 B. 30 046 C. 300 460 D. 3 000 460

Phương pháp

Áp dụng cách đổi: $1\text{m}^2 = 10\,000\text{cm}^2$

Cách giải

$$3\text{m}^2\,46\text{cm}^2 = 30\,000\text{cm}^2 + 46\text{cm}^2 = 30\,046\text{cm}^2$$

Câu 4: Phân số nào sau đây bằng phân số $\frac{5}{9}$:

- A. $\frac{10}{20}$ B. $\frac{20}{36}$ C. $\frac{25}{40}$ D. $\frac{15}{32}$

Phương pháp

Nếu nhân cả tử số và mẫu số của một phân số với cùng một số tự nhiên khác 0 thì được một phân số bằng phân số đã cho.

Cách giải

$$\frac{5}{9} = \frac{5 \times 4}{9 \times 4} = \frac{20}{36}$$

Đáp án: B

Câu 5. Một ô tô chạy trong 2 giờ đầu, mỗi giờ chạy được 80 km và 3 giờ sau, mỗi giờ chạy được 75 km. Hỏi trung bình mỗi giờ ô tô chạy được bao nhiêu ki-lô-mét?

A. 60 km

B. 65 km

C. 75 km

D. 77 km

Phương pháp

Bước 1. Tìm tổng số km ô tô chạy được

Bước 2. Tìm số km trung bình mỗi giờ ô tô chạy được

Cách giải

Tổng số km ô tô chạy được là: $80 \times 2 + 75 \times 3 = 385$ (km)

Trung bình mỗi giờ ô tô chạy được số ki-lô-mét là:

$$385 : (2 + 3) = 77 \text{ (km)}$$

Đáp án: D

Câu 6. Một xe máy đi trong $\frac{1}{5}$ phút được 300 m. Hỏi trong một giây người đó đi được bao nhiêu mét?

A. 25 m

B. 50 m

C. 60 m

D. 12 m

Phương pháp

Bước 1. Đổi $\frac{1}{5}$ phút sang đơn vị giây

Bước 2. Tìm số mét đi được mỗi giây

Cách giải

$$\text{Đổi: } \frac{1}{5} \text{ phút} = 12 \text{ giây}$$

Trong một giây người đó đi được số mét là: $300 : 12 = 25$ (m)

Đáp án: A

II. TỰ LUẬN

Câu 1. Tính:

a) $\frac{4}{5} : \frac{2}{3} - \frac{2}{5}$

b) $\frac{3}{10} + \frac{1}{4} : \frac{3}{8}$

c) $\frac{2}{3} - \frac{5}{18} \times \frac{9}{4}$

Phương pháp giải

Với biểu thức có các phép tính cộng, trừ, nhân, chia ta thực hiện phép tính nhân, chia trước, thực hiện phép tính cộng, trừ sau.

Lời giải chi tiết

$$a) \frac{4}{5} : \frac{2}{3} - \frac{2}{5} = \frac{4}{5} \times \frac{3}{2} - \frac{2}{5} = \frac{12}{10} - \frac{2}{5} = \frac{12}{10} - \frac{4}{10} = \frac{4}{5}$$

$$b) \frac{3}{10} + \frac{1}{4} : \frac{3}{8} = \frac{3}{10} + \frac{1}{4} \times \frac{8}{3} = \frac{3}{10} + \frac{2}{3} = \frac{9}{30} + \frac{20}{30} = \frac{29}{30}$$

$$c) \frac{2}{3} - \frac{5}{18} \times \frac{9}{4} = \frac{2}{3} - \frac{5 \times 9}{18 \times 4} = \frac{2}{3} - \frac{5 \times 9}{9 \times 2 \times 4} = \frac{2}{3} - \frac{5}{8} = \frac{16}{24} - \frac{15}{24} = \frac{1}{24}$$

Câu 2. Để lát nền một phòng học hình chữ nhật có chiều dài 12 m, chiều rộng 8 m người ta dùng loại gạch men hình vuông có cạnh 40 cm. Giá mỗi viên gạch là 25 000 đồng. Hỏi để lát kín phòng học đó người ta cần bao nhiêu tiền để mua gạch, biết phần mạch vữa không đáng kể?

Phương pháp giải

- Tìm diện tích của căn phòng hình chữ nhật = Chiều dài x chiều rộng
- Tìm diện tích mỗi viên gạch hình vuông = Độ dài cạnh x độ dài cạnh
- Tìm số viên gạch cần dùng để lát nền phòng học = Diện tích phòng : diện tích một viên gạch
- Tìm giá tiền để mua gạch

Lời giải chi tiết

Diện tích của căn phòng hình chữ nhật là

$$12 \times 8 = 96 \text{ (m}^2\text{)} = 960\,000 \text{ cm}^2$$

Diện tích của mỗi viên gạch hình vuông là

$$40 \times 40 = 1600 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Số viên gạch cần dùng để lát nền phòng học là

$$960\,000 : 1600 = 600 \text{ (viên)}$$

Số tiền dùng để mua gạch lát nền là

$$25\,000 \times 600 = 15\,000\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 15 000 000 đồng

Câu 3. Đàn gà nhà bà ngoại có 165 con gà. Lần thứ nhất bán đi $\frac{3}{5}$ số con gà. Lần thứ hai bán $\frac{2}{3}$ số con gà còn lại. Vậy sau hai lần bán số con gà còn lại là bao nhiêu?

Phương pháp giải

- Tìm số con gà bán đi lần thứ nhất
- Tìm số con gà còn lại sau khi bán lần thứ nhất.
- Tìm số con gà bán lần thứ hai
- Tìm số con gà còn lại sau hai lần bán

Lời giải chi tiết

Lần thứ nhất bán đi số con gà là

$$165 \times \frac{3}{5} = 99 \text{ (con)}$$

Số con gà còn lại sau khi bán lần thứ nhất là

$$165 - 99 = 66 \text{ (con)}$$

Số con gà bán lần thứ hai là

$$66 \times \frac{2}{3} = 44 \text{ (con)}$$

Số con gà còn lại sau hai lần bán là

$$165 - (99 + 44) = 22 \text{ (con)}$$

Đáp số: 22 con gà

Câu 4. Tìm một số tự nhiên có ba chữ số biết rằng khi viết thêm chữ số 2 vào bên phải số đó thì được một số lớn hơn số ban đầu 4106 đơn vị.

Lời giải chi tiết

Gọi số cần tìm là $\overline{abc}$ ($a \neq 0$; a, b và c nhỏ hơn 10)

Viết thêm chữ số 2 vào bên phải số đó ta được $\overline{abc2}$

Theo đề bài ta có:

$$\overline{abc2} = \overline{abc} + 4106$$

$$\overline{abc} \times 10 + 2 = \overline{abc} + 4106$$

$$\overline{abc} \times 10 - \overline{abc} = 4106 - 2$$

$$\overline{abc} \times 9 = 4104$$

$$\overline{abc} = 4104 : 9$$

$$\overline{abc} = 456$$

Vậy số cần tìm là 456.